

Bản án số: **16/2023/DS-ST**
Ngày: 21-9-2023.
“ Về việc: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Tuấn Tú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Tuyền**.

2. Bà **Tưởng Thị Thu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Chu Thị Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18/2023/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 2000. Địa chỉ thường trú: Thôn B, xã BN, huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang. Tạm trú tại: Thôn Phố Chinh, xã Vinh Quang, huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang.

* **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1996. Địa chỉ thường trú: Tổ V1, thị trấn V2, huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lần thứ hai mà vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2023, quá trình giải quyết và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Th** trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè với chị **Nguyễn Thị L** và do chị **L** có nhu cầu vay tiền để làm kinh tế nên trong quá trình chơi với nhau chị **Nguyễn Thị Th** cho chị **Nguyễn Thị L** vay tiền nhiều lần đến ngày 22/4/2022 chị **L** viết giấy vay tiền, xác

nhận việc nợ chị Th số tiền 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*) và hẹn đến ngày 22/12/2022 sẽ trả nhưng đã quá hạn, chị Th nhiều lần đòi nợ mà chị L không trả tiền nợ cho chị Th. Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L phải trả số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 23/12/2022 đến ngày 20/3/2023 với mức lãi suất 1%/tháng: $210.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 6.300.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày khởi kiện chị Th yêu cầu chị L trả là 216.300.000 đồng (*Hai trăm mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng*).

Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt chị Nguyễn Thị Th thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi. Chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị L phải trả số tiền nợ gốc 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*) và số tiền lãi tính từ ngày 23/12/2022 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10%/năm tương ứng với thời gian chị L chậm trả tiền cho chị Th.

Kết quả xác minh tại tổ V1, thị trấn V2, huyện Ch xác định chị Nguyễn Thị L vẫn đăng ký thường trú tại tổ V1, thị trấn V2, huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị L qua dịch vụ bưu chính (chị L vắng mặt tại nơi cư trú, người nhà từ chối nhận thay) và tiến hành thủ tục niêm yết công khai tại nơi cư trú các văn bản tố tụng đối với chị L. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị L không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không có lời khai, ý kiến trình bày trước nội dung khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Th.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn Nguyễn Thị Th đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứa thông tin về chữ viết, chữ ký của chị Nguyễn Thị L tại UBND thị trấn V2, huyện Ch và đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thị L tại giấy vay tiền ngày 22/4/2022 (ký hiệu M1) với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị L tại mục bên nữ của bản gốc tờ khai đăng ký kết hôn (ký hiệu M2); toàn bộ chữ viết, chữ ký tại trang số 80, số 24, ngày tháng năm đăng ký 06/6/2022 của Sổ đăng ký kết hôn của UBND thị trấn V2, huyện Ch, quyển số 01 năm 2021 (ký hiệu M3) (trừ phần chữ viết, chữ ký tại mục “chồng” và mục “người thực hiện” không đề nghị giám định).

Tại Kết luận 1019/KL-KTHS ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị L trên mẫu cần giám định ký hiệu M1 với chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu M2; M3 (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “chồng”, “người thực hiện”) là do cùng một người viết và ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn và kết quả giám định thấy rằng chị Nguyễn Thị Th và chị Nguyễn

Thị L có lập giấy vay tiền ngày 22/4/2022, ghi thời hạn trả nợ ngày 22/12/2022, không thỏa thuận về lãi suất cho vay. Giấy vay tiền ngày 22/4/2022 được xác định là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi suất. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 275, 278, 280, 351, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, buộc chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*) và số tiền lãi tính từ ngày 23/12/2022 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị Th; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Ch nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Giấy vay tiền lập ngày 22/4/2022 ghi thời hạn trả nợ ngày 22/12/2022. Ngày 20/3/2023 chị Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị L gửi đến Tòa án nhân dân huyện Ch. Căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 429 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu khởi kiện của chị Th còn trong thời hiệu khởi kiện.

- *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc chị Nguyễn Thị L trả số tiền nợ gốc đã vay 210.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định; chị L cư trú tại tổ V1, thị trấn V2, huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang.

- Về việc giải quyết vắng mặt đương sự:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ch đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa qua dịch vụ bưu chính nhưng chị Nguyễn Thị L không có mặt tại nơi cư trú; người nhà từ chối nhận thay hoặc không có người nhận thay.

Kết quả xác minh tại tổ V1, thị trấn V2 cho thấy chị Nguyễn Thị L vẫn đăng ký thường trú và sống cùng bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn Sơn và bà Trương Thị Hồng, tại thời điểm Tòa án xác minh chị L không có mặt tại nơi cư

trú nên không tổng đạt trực tiếp hoặc tổng đạt cho người thân thích cùng nơi cư trú với chị Nguyễn Thị L các văn bản tố tụng nêu trên nên Tòa án đã niêm yết công khai đầy đủ các Thông báo, quyết định theo quy định tại Điều 170, 171, 172, 173, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung.

Kèm theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Th đã giao nộp bản chính giấy vay tiền viết tay ghi ngày 22/4/2022, số tiền nợ 210.000.000 đồng, hạn trả nợ ngày 22/12/2022. Do chị Nguyễn Thị L không hợp tác, không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến trình bày trước nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th nên chị Th đã có đơn đề nghị Tòa án thu thập tài liệu có chữ viết, chữ ký của chị Nguyễn Thị L để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị là có căn cứ, hợp pháp. Ngày 21/7/2023 Tòa án đã thu thập được một bản gốc tờ khai đăng ký kết hôn và một sổ đăng ký kết hôn, quyển số 01 năm 2021 của UBND thị trấn V2, trong đó trang số 80, số thứ tự 24 ngày tháng năm đăng ký 06/6/2022 có chứa thông tin về chữ viết, chữ ký của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996, cư trú tại tổ V1, thị trấn V2, huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang.

Tại Kết luận 1019/KL-KTHS ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị L trên mẫu cần giám định ký hiệu M1 (Giấy vay tiền ngày 22/4/2022) với chữ viết, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị L trên mẫu so sánh ký hiệu M2 (bản gốc tờ khai đăng ký kết hôn) và mẫu M3 (Trang số 80, số 24, ngày, tháng, năm đăng ký 06/6/2022 của Sổ đăng ký kết hôn của UBND thị trấn V2, huyện Ch, quyển số 01 năm 2021, trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “chồng”, “người thực hiện”) là do cùng một người viết và ký.

Ngày 09/8/2023 Tòa án xác minh đối với Công chức Tư pháp Hộ tịch thị trấn V2, huyện Ch (người trực tiếp thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Nguyễn Thị L ngày 06/6/2022) xác định: Các thông tin tại trang số 80, số thứ tự 24, ngày 06/6/2022 tại Sổ đăng ký kết hôn năm 2021, quyển số 01 của UBND thị trấn V2, huyện Ch do chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 28/02/1996; cư trú tại tổ V1, thị trấn V2, huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang tự kê khai, tự viết vào sổ, sau khi kê khai và viết các thông tin thì chị L ký và ghi họ tên tại mục “người vợ”.

Như vậy, đủ căn cứ xác định chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 22/4/2022 là chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị L, không có căn cứ xác định chị L bị cưỡng ép, ép buộc hay lừa dối viết giấy vay tiền trên. Từ đó có đủ cơ sở kết luận chị Nguyễn Thị L có vay chị Nguyễn Thị Th số tiền 210.000.000 đồng. Khoản vay này đến hạn thanh toán ngày 22/12/2022. Yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền nợ gốc 210.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Th là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu trả lãi của chị Nguyễn Thị Th: Chị Th yêu cầu chị Nguyễn Thị Lam phải trả lãi từ ngày 23/12/2022 đến thời điểm xét xử (ngày 21/9/2023) với mức lãi suất 10%/năm. Xét Giấy vay tiền ngày 22/4/2022 có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất cho vay, do vậy đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Căn cứ quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu trả tiền lãi của chị Th là phù hợp và đủ căn cứ chấp nhận. Cần buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền lãi: 210.000.000 đồng x 08 tháng 28 ngày x 10%/năm (làm tròn số) = 15.610.500 đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm mười nghìn năm trăm đồng*).

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 275, 278, 280, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Buộc chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Th tổng số tiền là 225.610.500 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm mười nghìn năm trăm đồng*). Trong đó: Nợ gốc 210.000.000 đồng, nợ lãi 15.610.500 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Th là người yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của chị Nguyễn Thị L. Chị Th đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 3.360.000 đồng (*Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*), số tiền này đủ với số tiền chi phí giám định đã nộp cho Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự: Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th là có căn cứ nên chị Nguyễn Thị L phải chịu chi phí giám định và phải hoàn trả số tiền 3.360.000 đồng cho người đã nộp tạm ứng chi phí giám định là chị Nguyễn Thị Th.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán là 225.610.500 đồng x 5% = 11.280.500 đồng (*Mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng*).

Chị Nguyễn Thị Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại chị Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 184, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 275, 278, 280, 351, 357, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

2. Buộc chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Th tổng số tiền nợ gốc và lãi (làm tròn số) là 225.610.500 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm mười nghìn năm trăm đồng*). Trong đó: Nợ gốc 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*), nợ lãi là 15.610.500 đồng (*Mười lăm triệu, sáu trăm mười nghìn năm trăm đồng*).

3. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị L phải chịu chi phí giám định và phải hoàn trả số tiền 3.360.000 đồng (*Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho chị Nguyễn Thị Th.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã làm tròn số là 11.280.500 đồng (*Mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng*).

Chị Nguyễn Thị Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho chị Th số tiền 5.407.500 đồng (*Năm triệu bốn trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng*) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006195 ngày 06/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh Tuyên Quang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Ch;
- Chi cục THADS huyện Ch;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tuấn Tú

